

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206 /2023/HNGĐ - ST
Ngày: 10/02/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm
2. Ông Trần Đăng Vạn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đức Sơn- kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 3140/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1990

Địa chỉ:, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đỗ Bá T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà M và ông T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2022 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:

Bà M và ông T tự nguyện tìm hiểu, sống chung như vợ chồng từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đôi bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, bà M dọn ra ngoài ở

riêng từ năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa vì vậy bà M yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Thanh M, sinh ngày: 10/9/2017. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Thanh M, không yêu cầu ông Đỗ Bá T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Đỗ Bá T trình bày:

Ông T thống nhất với ý kiến của bà M về thời gian tìm hiểu và sống chung. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đôi bên không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay, ông T xác định không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Thanh M, sinh ngày: 10/9/2017, giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Đỗ Bá T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Thủ Đức, T phố Hồ Chí Minh: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện việc cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vụ án đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát nhận định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân T phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị M nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Bá T, ông T có nơi cư trú tại T phố Thủ Đức, do đó đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Bá T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà M, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn ông Đỗ Bá T thì đôi bên sống chung từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do quan điểm, công việc bất đồng, đôi bên đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân đôi bên cũng tìm biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà M xác nhận không còn tình cảm, không thể sống chung với ông T được nữa nên yêu cầu ly hôn và ông T cũng đồng ý ly hôn.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa: qua kiểm tra hồ sơ hộ tịch lưu tại UBND xã Thuần Lộc, về việc đăng ký kết hôn trường hợp bà: Nguyễn Thị M và ông Đỗ Bá T chưa đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuần Lộc.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam: qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã Bình Chánh (từ năm 2008 đến ngày 28/10/2019), thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Bá T không có trong các sổ đăng ký kết hôn.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu, T phố Thủ Đức, T phố Hồ Chí Minh: qua kiểm tra sổ bộ hộ tịch, hộ tịch điện tử lưu giữ tại địa phương thì tại thời điểm kiểm tra chưa thể hiện tên bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Bá T đăng ký kết hôn trong thời gian cư trú ở địa phương.

Hội đồng xét xử xét: bà M và ông T sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

2. Trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng sau đó thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn”.

Việc bà M và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn, đến nay ông bà vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông T.

[3.2] Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Thanh M, sinh ngày: 10/9/2017. Bà M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thanh M, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà M có công việc và thu nhập ổn định, có đủ khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về việc giao trẻ Đỗ Thanh M cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Đỗ Thanh M.

[3.3] Về tài sản chung: bà M, ông T khai không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: bà M, ông T khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Thủ Đức tại phiên tòa là phù hợp.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà M đã nộp tại

biên lai thu tiền số AA/2022/0007354 ngày 14/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự T phố Thủ Đức.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Bá T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Thanh M, sinh ngày: 10/9/2017. Giao con chung tên Đỗ Thanh M cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đỗ Bá T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các T viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà M đã

nộp tại biên lai thu tiền số AA/2022/0007354 ngày 14/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự T phố Thủ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Thủ Đức
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tâm

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tâm- Trần Đăng Vạn

Phan Thị Tâm